

Bản án số: **08/2019/HNGĐ-PT**

Ngày 22 - 4 - 2019

*“V/v tranh chấp thay đổi người trực
tiếp nuôi con sau ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trọng.

Các Thẩm phán:

Ông La Minh Tường

Ông Trần Hưng Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Lê Phước Ngưỡng, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019 Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 04/2019/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 121/2018/HNGĐ-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 54/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 04 tháng 03 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đỗ Xuân H, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn T, xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn A, xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có văn bản xin xét xử vắng mặt.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Đỗ Xuân H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn anh Đỗ Xuân H trình bày: Tại Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 07/2017/HNGĐ-PT ngày 16/3/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định việc ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Đỗ Xuân H, về con chung: Buộc anh H phải giao cháu Đỗ Trần Triệu V, sinh ngày 24/4/2015 cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi; anh H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, theo anh H, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì chị L không hề đến gặp con, không quan tâm và chăm sóc gì cho cháu Đỗ Trần Triệu V. Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu V cũng như đảm bảo quyền được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu V sau khi ly hôn nên anh H đề nghị Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, chuyển từ chị L sang cho anh và yêu cầu chị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu V hàng tháng với số tiền 1.500.000 đồng/tháng.

Về phía Bị đơn chị Trần Thị L: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử và mở phiên tòa, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần tiến hành triệu tập hợp lệ đối với Bị đơn nhưng chị L đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể lấy được ý kiến.

Tại Bản án số 121/2018/HNGĐ-ST ngày 30/11/2018, Tòa án nhân dân thị xã H đã quyết định: Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 82, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của anh Đỗ Xuân H. Giao cháu Đỗ Trần Triệu V, sinh ngày 24/4/2015 cho anh Đỗ Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi; chị Trần Thị L có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 500.000 đồng, kể từ tháng 12/2018 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 14/12/2018, Nguyên đơn anh Đỗ Xuân H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc cô L cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng cho cháu V với số tiền 500.000 đồng là quá thấp; đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm buộc cô L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng/tháng đối với cháu V.

Ngày 14/02/2019, Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành xác minh, trực tiếp lấy lời khai của chị Trần Thị L tại địa chỉ: Thôn A, xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, nội dung ý kiến của chị Trần Thị L như sau: Chị đã nhận được Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 121/2018/HNGĐ-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã H; chị đồng ý với quyết định giao cháu Đỗ Trần Triệu V cho anh Đỗ Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, hiện nay chị không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập bấp bênh nên chị

không có khả năng cấp dưỡng theo yêu cầu của anh H đồng thời do hoàn cảnh bạn đi làm ăn xa ở các tỉnh phía bắc nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Chị L xác nhận các thông tin liên hệ là nơi Đăng ký nhân khẩu thường trú của chị L tại Thôn A, xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, không rút yêu cầu kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Đỗ Xuân H trình bày: Sau khi vợ chồng ly hôn, chị L tiếp tục làm ăn ở các tỉnh phía bắc với nghề bán chè mà trước đây vợ chồng chị đã làm, còn anh H trở về Huế làm nghề lái xe, buôn bán nhỏ và nuôi dưỡng cháu V. Thu nhập của anh H khoảng từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng, ổn định. Đối với chị L, mặc dù anh H không liên lạc được nhưng qua thông tin của bạn bè anh cũng biết chị L vẫn đang hành nghề bán chè nên thu nhập hàng tháng của chị L khoảng 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng. Về chi phí cho việc nuôi dưỡng cháu Đỗ Trần Triệu V, sinh ngày 24/4/2015, mỗi tháng các khoản chi phí cơ bản như sau: Học phí tại Trường Mầm non H 600.000 đồng; tiền ăn của cháu V từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng; thứ 7 và chủ nhật thì gửi cháu V cho cơ sở tư nhân khác với chi phí 30.000 đồng/ngày. Tiền sữa bột pha sẵn 1.500.000 đồng/tháng. Cộng mỗi tháng chi phí khoảng 3.100.000 đồng, chưa tính các chi phí phát sinh khi cháu ốm đau hoặc các chi phí khác. Do vậy, anh đề nghị buộc cô L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng/tháng đối với cháu V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến: Về kiểm sát tuân theo pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc tăng mức cấp dưỡng nuôi con; áp dụng khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm: Buộc chị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; xét kháng cáo của Bị đơn và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tính hợp pháp của kháng cáo: Đơn kháng cáo của Nguyên đơn có nội dung phù hợp với quy định tại Điều 271; thực hiện trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được chấp nhận để đưa ra xét xử phúc thẩm.

[2. Về tố tụng: Sau khi thụ lý xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã tiến hành làm việc tại xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế để tiến hành lấy lời khai của chị Trần Thị L. Tại Biên bản làm việc, chị L đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị vì điều kiện bận đi làm ăn xa nên chị không thể tham dự tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

[3] Về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với cháu Đỗ Trần Triệu V, sinh ngày 24/4/2015 đã được Tòa án nhân dân thị xã H nhận định và xét xử, không có kháng cáo và kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4]. Xét kháng cáo của anh Đỗ Xuân H đối với yêu cầu buộc chị Trần Thị L tăng mức đóng góp cấp dưỡng hàng tháng về nuôi con chung:

Qua lời khai của chị L và lời khai của anh H, xác định được thu nhập hàng tháng của chị L khoảng 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng là có cơ sở. Về chi phí cho việc nuôi dưỡng cháu Đỗ Trần Triệu V, sinh ngày 24/4/2015, mỗi tháng các khoản anh H phải chi phí 3.100.000 đồng là cao so với nhu cầu thiết yếu của cháu V. Tại Khoản 2 Điều 82, Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên; mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của cháu V cũng như đảm bảo nghĩa vụ, trách nhiệm của chị L đối với cháu V cần buộc chị L phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chị L phải thực hiện cấp dưỡng hàng tháng cho cháu V với số tiền 500.000 đồng/tháng là thấp so với nhu cầu thiết yếu thực tế và mặt bằng chung nơi địa phương cháu V đang sống về chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đỗ Xuân H buộc chị L phải thực hiện cấp dưỡng hàng tháng cho cháu V với số tiền 1.000.000 đồng/tháng như ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Đỗ Xuân H không phải chịu.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 82, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn; sửa một phần Bản án sơ thẩm số 121/2018/HNGĐ-ST ngày 30/11/2018, Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; tuyên xử:

1. Chị Trần Thị L có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 12/2018 cho đến khi cháu Đỗ Trần Triệu V, sinh ngày 24/4/2015 đủ 18 tuổi.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Đỗ Xuân H không phải chịu; hoàn trả 300.000 đồng anh H đã nộp tại Biên lai thu tiền số 007408 ngày 21/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại Đà Nẵng;
- TAND thị xã Hương Trà;
- VKSND thị xã Hương Trà;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Chi cục THA thị xã Hương Trà;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa DS;
- Lưu HCTP; Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Trọng